|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn | 29/9/2023 | 29/9/2023 |
| Lớp | 9C | 9D |
| Tiết | 4,1 | 5,4(chiều) |
| Ngày dạy | 09/10/2023 | 10/10/2023 |
| 12/10/2023 | 16/10/2023 |
| ĐC, BS |  |  |

**Tiết** 10+11

**BÀI 9: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Yêu cầu cần đạt :*

- Trình bày được thực trạng và phân bố ngành lâm nghiệp của nước ta ; vai trò của từng loại rừng

- Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích bảng số liệu, biểu đồ, để hiểu và trình bày sự phát triển của lâm nghiệp, thủy sản.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích bản đồ, lược đồ lâm nghệp, thủy sản để thấy rõ sự phân bố của các loại rừng, bãi tôm, bãi cá vị trí các ngư trường trọng điểm.

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Có ý thức bảo vệ tài nguyên trên cạn và dưới nước.

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Không đồng tình với những hành vi phá hoại môi trường như chặt phá cây, săn bắt chim thú, đánh cá bằng thuốc nổ

- Chăm chỉ: Tìm hiểu các đặc điểm của ngành lâm nghiệp và ngư nghiệp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

## 1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ kinh tế chung Việt Nam

- Lược đồ lâm nghiệp và thuỷ sản

- Tài liệu, hình ảnh về hoạt động lâm nghiệp và thuỷ sản ở nước ta.

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)**

*a) Mục đích:*

- HS gợi nhớ được những hiểu biết về tài nguyên rừng và biển của nước ta.

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

*b) Nội dung:*

HS quan sát hình ảnh và nhận xét thực trạng lâm nghiệp, ngư nghiệp hiện nay

*c) Sản phẩm:*

Lâm nghiệp và ngư nghiệp đang bị tàn phá nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn trong tương lai.

*d) Cách thực hiện:*

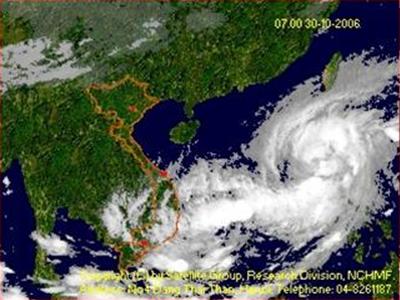
**Bước 1:** Giao nhiệm vụ. GV cung cấp một số tranh ảnh về thực trạng rừng và nguồn lợi thuỷ sản của nước ta và yêu cầu HS nhận biết .



**Nhóm ảnh 1**

**Nhóm ảnh 2**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Quan sát tranh ảnh và bằng hiểu biết để trả lời

**Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo kết quả ( một HS trả lời, các HS khác nhận xét)

**Bước 4:** Kết luận, nhận định

GV nhận xét phần trả lời của HS và dẫn dắt kết nối vào bài

**2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tìm hiểu tài nguyên rừng ở nước ta ( 9 phút)**

*a) Mục đích:*

Tìm hiểu tài nguyên rừng ở nước ta. Vai trò của từng loại rừng

*b) Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác bản đồ lâm nghiệp Việt Nam để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính:**

**I. Lâm nghiệp:**

1. Tài nguyên rừng

\*Thực trạng:

- Tài nguyên rừng đang bị cạn kiệt, tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng chiếm tỉ lệ thấp (35%) năm 2000.

- Cơ cấu rừng: Rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng.

*c) Sản phẩm:* HS trả lời các câu hỏi sau:

+ Thực trạng tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay: Đang bị tàn phá, cạn kiệt nghiêm trọng.

+ Tài nguyên rừng cạn kiệt là do những nguyên nhân: Chiến tranh, khai thác quá mức, nạn khai thác gỗ lậu, quản lí yếu kém, cháy rừng,…

- Cơ cấu các loại rừng ở nước ta và chức năng của từng loại rừng:

+ Rừng sản xuất: cung cấp gỗ cho CN chế biến, xuất khẩu và dân dụng

+ Rừng phòng hộ: là rùng đầu nguồn chống cát bay, lũ lụt, sạt lỡ đất.

+ Rừng đặc dụng: là các vườn quốc gia và các khu dự trữ thiên nhiên

*d) Cách thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập  GV cho HS dựa vào hình 1 và vốn hiểu biết trả lời các câu hỏi sau:  + Cho biết thực trạng tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay?  + Tài nguyên rừng cạn kiệt là do những nguyên nhân nào?  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ học tập  HS quan sát tranh trả lời  **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận  HS báo cáo kết quả ( một HS trả lời, các HS khác nhận xét)  **Bước 4:** Kết luận, nhận định  GV cho HS dựa vào bảng 9.1 và kênh chữ SGK, hãy cho biết cơ cấu các loại rừng ở nước ta và chức năng của từng loại rừng?  *GV nhấn mạnh vai trò của rừng phòng hộ đối với việc bảo vệ môi trường , song thực tế hiện nay loại rừng này đang bị tàn phá dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng về môi trường ( lũ quét, trượt đá, sạt lở đất…) –> giáo dục ý thức bảo vệ rừng cho HS,* | 1. Tài nguyên rừng  \*Thực trạng:  - Tài nguyên rừng đang bị cạn kiệt, tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng chiếm tỉ lệ thấp (35%) năm 2000.  - Cơ cấu rừng: Rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng. |

**2.2. Tìm hiểu Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp ( 8 phút)**

*a) Mục đích:*

Nêu được tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp.

*b) Nội dung:*

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính:**

2. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp:

- Khai thác và chế biến gỗ, lâm sản chủ yếu ở miền núi, trung du.

- Trồng rừng: Tăng độ che phủ rừng, phát triển mô hình nông lâm kết hợp.

\* Vai trò của các loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và mô hình nông lâm kết hợp.

*c) Sản phẩm:* Hoàn thành các câu hỏi:

**\* Nhóm lẻ:**

+ Cho biết ngành lâm nghiệp gồm các hoạt động: Hoạt động khai thác và trồng mới rừng: Rất rộng với mô hình nông- lâm- thuỷ sản kết hợp; Phát triển nhiều ở miền núi, trung du nước ta.

+ Khai thác lâm sản tập trung chủ yếu ở: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.

+ Sản lượng khai thác: hằng năm cả nước khai thác khoảng hơn 2,5 triệu mét khối gỗ.

+ Công nghiệp chế biến gỗ phát triển ở: Các trung tâm chế biến gỗ lại tập trung gần các thành phố, hải cảng. Vì thành phố là nơi đông dân nhu cầu tiêu thụ lớn, ở hải cảng để tiện cho hoạt động xuất và nhập khẩu.

**\* Nhóm chẳn:**

+ Việc đầu tư trồng rừng đem lại lợi ích: bảo vệ môi trường, điều hoà khí hậu, là nơi ở của nhiều động vật quý,…

+ Chúng ta vừa khai thác, vừa bảo vệ rừng vì: Để khai thác và phát triển rừng một cách bền vững.

*d) Cách thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** GV cho HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết cho biết và chia lớp thành 2 nhóm tiến hành thảo luận :  **\* Nhóm lẻ:**  + Cho biết ngành lâm nghiệp gồm các hoạt động nào?  + Khai thác lâm sản tập trung chủ yếu ở đâu? Sản lượng khai thác hàng năm là bao nhiêu?  + Công nghiệp chế biến gỗ phát triển ở vùng nào?  **\* Nhóm chẳn:**  + Việc đầu tư trồng rừng đem lại lợi ích gì?  + Tại sao chúng ta vừa khai thác, vừa bảo vệ rừng ?  **Bước 2:** Hs tự nghiên cứu sau đó cùng với bạn tiến hành thảo luận ,Gv quan sát Hs làm việc ,tiến hành hỗ trợ.  **Bước 3:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung.  **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức.  Gv mở rộng: Để hạn chế những thiên tai do thiên nhiên gây ra chúng ta cần phải làm gì? GV lồng ghép bảo vệ môi trường.  + Mô tả mô hình kinh tế trang trại nông lâm kết hợp?  + Ý nghĩa của hoạt động này?  -> GV nhận xét, đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức. | 2. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp:  - Khai thác và chế biến gỗ, lâm sản chủ yếu ở miền núi, trung du.  - Trồng rừng: Tăng độ che phủ rừng, phát triển mô hình nông lâm kết hợp.  \* Vai trò của các loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và mô hình nông lâm kết hợp. |

**2.3.Phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với ngành thuỷ sản ( 8 phút)**

*a) Mục đích:*

Tìm hiểu sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản.

*b) Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác bản đồ ngư nghiệp Việt Nam để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính:**

**II. Ngành thuỷ sản:**

1.Nguồn lợi thuỷ sản:

a. Thuận lợi:

- Khai thác:

+ Các vùng biển có nhiều bãi tôm, bãi cá với 4 ngư trường trọng điểm.

+ Mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc

- Nuôi trồng: Nhiều diện tích mặt nước để nuôi trồng thuỷ sản nước mặn,nước ngọt, nước lợ

b. Khó khăn:

- Hay bị thiên tai, môi trường bị suy thoái, vốn ít,…

*c) Sản phẩm:* Trả lời các câu hỏi.

+ Những điều kiện thuận lợi:

- Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển khai thác và nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, lợ, ngọt

- Nước mặn trên tổng diện tích 1 triệu ha biển với 4 ngư trường quan trọng.

- Những bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn là khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản nước lợ

- Vùng biển ven các đảo, vũng, vịnh có điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản nước mặn

- Sông, suối, ao, hồ nuôi cá tôm nước ngọt.

+ Xác định 4 ngư trường lớn trên bản đồ?

- Cà Mau- Kiên Giang

- Ninh Thuận- Bình Thuận- Bà Rịa- Vũng Tàu

- Hải Phòng- Quảng Ninh

- Hoàng Sa- Trường Sa

+ Khó khăn: Thiên tai, biển động do bão, gió mùa Đông Bắc, môi trường suy thoái và nguồn lợi bị suy giảm ở nhiều nơi. Hạn chế về nguồn vốn,…

*d) Cách thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** GV cho HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết lần lượt trả lời các câu hỏi sau đây:  + Nước ta có những điều kiện thuận lợi gì để phát triển ngành khai thác thuỷ sản ?  + Xác định 4 ngư trường lớn trên bản đồ?  + Dựa hình 2: Hiện nay ngành khai thác và nuôi trồng thuỷ sản nước ta đang gặp những khó khăn gì ?  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** HS trả lời các HS khác nhận xét vả bổ sung.  **Bước 4:** GV nhận xét , đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức.  - GV liên hệ thêm vấn đề ô nhiễm biển ở 4 tỉnh miền Trung do sự cố Formosa, đánh cá bằng chất nổ …  -> Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường nước. | **II. Ngành thuỷ sản:**  1.Nguồn lợi thuỷ sản:  a. Thuận lợi:  - Khai thác:  + Các vùng biển có nhiều bãi tôm, bãi cá với 4 ngư trường trọng điểm.  + Mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc  - Nuôi trồng: Nhiều diện tích mặt nước để nuôi trồng thuỷ sản nước mặn,nước ngọt, nước lợ  b. Khó khăn:  - Hay bị thiên tai, môi trường bị suy thoái, vốn ít,… |

**2.4. Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành thủy sản ( 10 phút)**

*a) Mục đích:*

Biết được sự phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta.

*b) Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác bản đồ ngư nghiệp Việt Nam để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính**

2. Sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản:

- Sản lượng khai thác và nuôi trồng tăng khá nhanh,đặc biệt là khai thác

- Phân bố chủ yếu ở duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- Các tỉnh dẫn đầu về khai thác: Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận; về nuôi trồng: Cà Mau, An Giang, Bến tre.

- Nuôi trồng thủy sản; Phát triển nhanh. Đặc biệt là nuôi tôm, cá

- Xuất khẩu thuỷ sản đã có những bước phát triển vượt bậc

*c) Sản phẩm:* Trả lời các câu hỏi.

+ Khai thác nhiều ở những tỉnh: Khai thác mạnh tại các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ ( đặc biệt là Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa- Vũng Tàu và Bình Thuận)

+ Nuôi trồng nhiều ở những tỉnh: Nuôi trồng phát triển mạnh ở Cà Mau, An Giang, Bến Tre.

+ Tình hình xuất khẩu thuỷ sản ở nước ta hiện nay: nhiều sản phẩm thuỷ sản được xuất khẩu ra nước ngoài như tôm, cua, cá,…

+ Tiến bộ của xuất khẩu thuỷ sản có ảnh hưởng gì đến sự phát triển của ngành: làm nâng cao giá trị của ngành thuỷ sản, mang lại lợi ích kinh tế cho người dân.

*d) Cách thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Bước 1: Quan sát bảng 9.2 em có nhận xét gì về sự phát triển của ngành thuỷ sản?  + Khai thác nhiều ở những tỉnh nào?  + Nuôi trồng nhiều ở những tỉnh nào?  + Tình hình xuất khẩu thuỷ sản ở nước ta hiện nay?  + Tiến bộ của xuất khẩu thuỷ sản có ảnh hưởng gì đến sự phát triển của ngành?  Bước 2: HS suy nghĩ để trả lời  Bước 3: HS lên xác định trên bản đồ và báo cáo kết quả, các HS còn lại nhận xét và bổ sung.  Bước 4: GV nhận xét , đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức.  GV mở rộng . theo em cần có những biện pháp gì để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giúp ngành thủy sản phát triển bền vững | 2. Sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản:  - Sản lượng khai thác và nuôi trồng tăng khá nhanh,đặc biệt là khai thác  - Phân bố chủ yếu ở duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ  - Các tỉnh dẫn đầu về khai thác: Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận; về nuôi trồng: Cà Mau, An Giang, Bến tre.  - Nuôi trồng thủy sản; Phát triển nhanh. Đặc biệt là nuôi tôm, cá  - Xuất khẩu thuỷ sản đã có những bước phát triển vượt bậc. |

**3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)**

*a) Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

*c) Sản phẩm:* Đưa ra đáp án.

Câu 1: B. Câu 2: B Câu 3: B Câu 4: C

*d) Cách thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:** GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời nhanh các câu hỏi sau:  **Câu 1.** Rừng phòng hộ có chức năng nào?  A . Bảo vệ sinh thái , chống xói mòn đất.  B. Phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.  C. Bảo vệ các giống loài quý hiếm, phòng chống thiên tai.  D. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, bảo vệ môi trường.  **Câu 2.** Tỉnh dẫn đầu cả nước về sản lượng nuôi trồng thuỷ sản là  A.Quảng Ninh. B.Cà Mau. C. Bình Thuận. D. Bà Rịa- Vũng Tàu.  **Câu 3.** Tỉnh có sản lượng thuỷ sản khai thác lớn nhất nước ta là  A, Bình Thuận B. Kiên Giang C. Cần Thơ D. Ninh Thuận  **Câu 4.** Hiện nay nghề nuôi tôm phát triển mạnh nhất ở  A. Đông Nam bộ.  B. Đồng bằng sông Hồng.  C. Đồng bằng sông Cửu Long  D. Duyên hải Nam trung bộ  **Bước 2:** HS có 30s nghe và trả lời.  **Bước 3:** GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.  Bước 4: GV chốt lại kiến thức của bài. | **Luyện tập** |

**4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)**

*a) Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về lâm nghiệp.

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

*c) Sản phẩm:* Trả lời câu hỏi.

*d) Cách thực hiện:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | 29/9/2022 | 29/9/2022 | 29/9/2022 | 29/9/2022 |
| Lớp | 9a | 9b | 9c | 9d |
| Tiết | 5 | 5 | 4 | 2 |
| Ngày dạy | 12/10/2022 | 14/10/2022 | 13/10/2022 | 14/10/2022 |
| ĐC, BS |  |  |  |  |

**Tiết 12**

**BÀI 10: THỰC HÀNH**

**VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÂY, SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Yêu cầu cần đạt :*

Trình bày và giải thích được sự thay đổi cơ cấu tốc độ tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm nước ta qua các năm.

- Trình bày được các bước vẽ biểu đường thể hiện tốc độ tăng trưởng.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Xử lí bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng ( lấy gốc 100%). Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Hoàn thành bài tập thực hành

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

## 1. Chuẩn bị của GV

Bảng số liệu thống kê cập nhật số liệu mới

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)**

*a) Mục đích:*

- GV gợi nhớ cách vẽ biểu đồ hình tròn, đường; sử dụng kỹ năng đọc bảng số liệu để rút ra nhận xét về sự thay đổi diện tích và tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây, hoặc nhận xét, giải thích vì sao đàn gia cầm và đàn lợn tăng mà đàn trâu không tăng.

- Giúp những HS tìm ra các nội dung mà học sinh chưa biết về kỹ năng vẽ biểu đồ và kỹ năng nhận xét, giải thích thông qua bảng số liệu…-> Kết nối với bài học.

*b) Nội dung:*

HS nhớ lại cách vẽ các dạng biểu đồ.

*c) Sản phẩm:*

Biểu đồ tròn hoặc biểu đồ đường.

*d) Cách thực hiện:*

***Giao nhiệm vụ:*** Bài học hôm nay như bài học đã nêu rõ, chúng ta chọn một trong hai bài tập để vẽ và phân tích biểu đồ (về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây của nước ta trong thời gian gần đây hoặc nhận xét, giải thích vì sao đàn gia cầm và đàn lợn tăng mà đàn trâu không tăng).

**2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Hoạt động 2: Vẽ biểu đồ đường và nhận xét, giải thích vì sao đàn gia cầm và đàn lợn tăng mà đàn trâu không tăng ( 10 phút)**

*a) Mục đích:*

- Trình bày được các bước vẽ biểu đồ tròn có bán kính khác nhau và biểu đường thể hiện tốc độ tăng trưởng.

*b) Nội dung:*

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính:** Vẽ được biểu đồ đường

*c) Sản phẩm:* Vẽ biểu đồ đường

*d) Cách thực hiện:*

Số lượng gia súc, gia cầm của nước ta và chỉ số tăng trưởng qua các năm (năm 1990 = 100%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượng** | | | | **Chỉ số tăng trưởng** *(%)* | | | |
| **Trâu** *(nghìn con)* | **Bò** *(nghìn con)* | **Lợn** *(nghìn con***)** | **Gia cầm** *(triệu con)* | **Trâu** | **Bò** | **Lợn** | **Gia cầm** |
| 1990 | 2854,1 | 3116,9 | 12260,5 | 107,4 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |
| 1995 | 2962,8 | 3638,9 | 16306,4 | 142,1 | 103,8 | 116,7 | 133,0 | 132,3 |
| 2000 | 2897,2 | 4127,9 | 20193,8 | 196,1 | 101,5 | 132,4 | 164,7 | 182,6 |
| 2005 | 2922,2 | 5540,7 | 27435,0 | 219,9 | 102,4 | 177,8 | 223,8 | 204,7 |
| 2010 | 2877,0 | 5808,3 | 27373,1 | 300,5 | 100,8 | 186,3 | 223,3 | 279,8 |
| 2015 | 2524,0 | 5367,2 | 27750,7 | 341,9 | 88,4 | 172,1 | 226,3 | 318,4 |
| 2017 | 2491,7 | 5654,9 | 27406,7 | 385,5 | 87,3 | 181,4 | 223,5 | 358,9 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1:**  - GV hướng dẫn các trị số của trục tung, trục hoành  - Các đồ thị có thể được biểu diễn bằng các màu khác nhau hoặc các nét liền, nét đứt khác nhau.  **Bước 2:** GV hướng dẫn vẽ cho học sinh trên bảng để HS dễ hình dung.  **Bước 3:** Giải thích:  - Đàn lợn và đàn gia cầm tăng nhanh nhất. Đây là nguồn cung cấp thịt chủ yếu. Do nhu cầu về thịt, trứng tăng nhanh và do giải quyết tốt nguồn thức ăn cho chăn nuôi, có nhiều hình thức chăn nuôi đa dạng ngay cả chăn nuôi theo hình thức công nghiệp ở hộ gia đình.  - Đàn trâu không tăng, chủ yếu do nhu cầu về sức kéo của trâu, bò trong nông nghiệp đã giảm xuống (Nhờ cơ giới hoá trong nông nghiệp)  **Bước 4:** GV nhận xét bài vẽ của HS. | **2. Bài tập 2.**  **Vẽ biểu đồ đường thể hiện sự tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm qua các năm.** |

**3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)**

*a) Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

*c) Sản phẩm:* Đưa ra đáp án.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Câu 1: Nhắc lại cách vẽ biểu đồ hình tròn. Các tính tỉ lệ phần trăm

Câu 2: Nhắc lại cách vẽ biểu đồ đường. giải thích vì sao đàn gia cầm và đàn lợn tăng mà đàn trâu không tăng?

**Bước 2:** HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

**Bước 3:** GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: GV chốt lại kiến thức của bài.

**4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)**

*a) Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về nông nghiệp Việt Nam.

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

*c) Sản phẩm:* Vẽ biểu đồ tròn.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Dựa vào bảng số liệu BT1

Vẽ biểu đồ và nhận xét sự thay đổi cơ cấu các nhóm cây trồng ở nước ta?

*GV yêu cầu HS đọc đề bài*

*. GV nêu cho HS qui trình vẽ biểu đồ cơ cấu theo các bước:*

**Bước 1:** Lập bảng số liệu đã xử lí theo mẫu. Chú ý làm tròn số sao cho tổng các thành phần phải đúng 100%

**Bước 2:** Vẽ biểu đồ cơ cấu theo qui tắc. Bắt đầu vẽ từ “tia 12 giờ “vẽ theo chiều kim đồng hồ.

**Bước 3:** Đảm bảo chính xác. Ghi trị số % vào hình quạt tương ứng. Vẽ đến đâu kẽ vạch (tô màu) đến đó, thiết lập bảng chú giải.

*GV hướng dẫn, tổ chức HS tính toán:*

**Bước 1:** GV treo bảng phụ khung của bảng số liệu đã xử lí (các cột số liệu được bỏ trống)

Diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây của nước ta qua các năm

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm Các nhóm cây** | **1990** | **2000** | **2010** | **2015** | **2017** |
| ***Tổng số*** | ***9040,0*** | ***12644,3*** | ***14061,1*** | ***14919,6*** | ***14902,0*** |
| Cây lương thực | 6474,6 | 8399,1 | 8615,9 | 8996,3 | 8806,8 |
| Cây công nghiệp | 1199,3 | 2229,4 | 2808,1 | 2831,1 | 2831,6 |
| Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác | 1366,1 | 2015,8 | 2637,1 | 3092,2 | 3263,6 |

**Bước 2:** Hướng dẫn xử lý số liệu:

Lưu ý : + Tổng số diện tích gieo trồng là 100%.

+ Biểu đồ hình tròn có góc ở tâm là 3600. 1,0% ứng 3,60 góc ở tâm

\* Cách tính:

+ Năm 1990 tổng số DT gieo trồng là 9040 nghìn ha có cơ cấu DT là 100%

+ Tính cơ cấu DT gieo trồng cây lương thực là (x ) 9040 tương ứng 100%

6474,6 ……….. x suy ra x = ( 6474,6 . 100 ) : 9040 = 71,6%

Góc ở tâm trên biểu đồ tròn của cây lương thực là 71,6 . 3,6 = 2580

Tương tự cách tính trên, HS tính điền vào khung số liệu.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm Các nhóm cây** | **1990** | **2000** | **2010** | **2015** | **2017** |
| ***Tổng số*** | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Cây lương thực | 71,6 | 66,4 | 61,3 | 60,3 | 59,1 |
| Cây công nghiệp | 13,3 | 17,6 | 20,0 | 19,0 | 19,0 |
| Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác | 15,1 | 16,0 | 18,7 | 20,7 | 21,9 |

**Bước 2:** HS hỏi và đáp ngắn gọn.

**Bước 3:** GV hướng dẫn dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | | **Nội dung cần đạt** | | | |
| **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ:  - Tại sao ở nước ta khai thác lâm nghiệp phải kết hợp với trồng và bảo vệ rừng?  - Nếu em là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Việt Nam, em sẽ quan tâm tới các vấn đề nào để nâng cao hiệu quả sản xuất của ngành thủy sản ở nước ta?  **Bước 2:** HS trao đổi và phát biểu nhanh ý kiến.  **Bước 3:** GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét. | | | | **Vận dụng** | | | |
| Ngày soạn | 29/9/2022 | 29/9/2022 | | 29/9/2022 | 29/9/2022 |
| Lớp | 9a | 9b | | 9c | 9d |
| Tiết | 5 | 5 | | 4 | 2 |
| Ngày dạy | 12/10/2022 | 14/10/2022 | | 13/10/2022 | 14/10/2022 |
| ĐC, BS |  |  | |  |  |